| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – HUẾ**<br>**THÀNH PHỐ HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 137/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2026.
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Phương Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Huỳnh Thị Thanh Tân và ông Trần Xuân Hậu.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Phước Đình Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa*:** Ông Tô Hữu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Kiều T, sinh năm 1998; căn cước công dân số: 046198008762, cấp ngày 12/6/2022; địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố H; vắng mặt lần hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn đề ngày 29 tháng 01 năm 2026 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Võ Thị Kiều T trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kiều T và anh Trần Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố H) vào ngày 21/11/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, sau đó xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, giữa vợ chồng thường xuyên cải vã, tình cảm không còn. Từ năm 2022, chị T và anh Đ sống ly thân cho đến nay, ai lo việc người đó, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị Võ Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Đ.

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Kiều T trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Trần Bảo T1, sinh ngày 14/6/2019, hiện cháu T1 đang ở cùng chị T nên chị T yêu cầu Tòa án giao người con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Trần Văn Đ về việc chị Võ Thị Kiều T xin ly hôn và tranh chấp nuôi con. Tuy nhiên, hết thời hạn luật định anh Trần Văn Đ không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 17/03/2026, gia đình anh Trần Văn Đ cho biết: Anh Trần Văn Đ có nơi thường trú tại thôn B, xã H, thành phố H. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng của Toà án và giao lại cho anh Trần Văn Đ, nhưng anh Trần Văn Đ không đến Tòa án làm việc.

Do không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa lần thứ nhất và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 23/4/2026, đồng thời tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định những bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Kiều T. Về án phí đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kiều T và anh Trần Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố H) vào ngày 21/11/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Kiều T và anh Trần Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị T và anh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình sống chung, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mẫu thuẫn, thường xuyên cãi vả, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Từ năm 2022, chị T và anh Đ đã sống ly thân. Anh Trần Văn Đ cũng không có ý kiến gì đối với việc nguyên đơn xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Kiều T.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Xét yêu cầu của chị Võ Thị Kiều T, thấy rằng con chung đang ở ổn định với chị T. Mặt khác, anh Đ không có ý kiến gì nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T, giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc là phù hợp với thực tế.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã giải thích cho chị Võ Thị Kiều T rõ về các quy định của Luật Hôn nhân gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Chị T trình bày chị có công việc ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu anh Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Võ Thị Kiều T. Chị Võ Thị Kiều T được ly hôn anh Trần Văn Đ.

2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Trần Bảo T1, sinh ngày 14/6/2019 cho chị Võ Thị Kiều T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc chị Võ Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000401 ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Võ Thị Kiều T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 4-Huế;
- Đương sự;
- UBND xã Hưng Lộc;
*(ĐKKH ngày 21/11/2018)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trần Thị Phương Thảo**